

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường
của Trường Đại học Nha Trang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-KĐCLGDTL ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 22 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng 05 chương trình đào tạo Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 22 ngày 22 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Nha Trang;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường
của Trường Đại học Nha Trang**

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	4			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		4,29	7	100
Tiêu chí 6.1	5			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80,00
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	3			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,98	46	92



Phụ lục II KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/10/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Kỹ thuật môi trường của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, đầy đủ và có hệ thống, được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường, đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia. Quá trình xây dựng, điều chỉnh dựa trên sự tham gia của các bên liên quan, bảo đảm tính minh bạch và thực tiễn. Việc công khai chuẩn đầu ra trên các nền tảng số giúp nâng cao tính tiếp cận và minh bạch.

2. CTĐT được xây dựng có cơ sở khoa học, bảo đảm tính logic, cập nhật và phù hợp với mục tiêu đào tạo. Đề cương các học phần được thiết kế đầy đủ, chuẩn hóa và định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quy định. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được công khai minh bạch, dễ dàng tiếp cận trên nhiều nền tảng số, hỗ trợ tốt cho sinh viên, giảng viên, nhà tuyển dụng và các bên liên quan trong việc tiếp cận, theo dõi và sử dụng thông tin đào tạo. 100% đề cương học phần có đầy đủ thông tin theo mẫu chung của Trường, được rà soát, đánh giá tối thiểu 2 lần trong giai đoạn đánh giá.

3. CTĐT được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra rõ ràng, có sự liên kết chặt chẽ giữa các học phần; các phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá cơ bản phù hợp góp phần đạt chuẩn đầu ra. Các học phần được thiết kế, bố trí hợp lý, bảo đảm tính kế thừa, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho sinh viên. Quy trình rà soát, điều chỉnh chương trình được thực hiện định kỳ và bài bản, có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, đồng thời tham khảo các chương trình tiên tiến trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng.

4. CTĐT được xây dựng và triển khai với phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và có định hướng rõ ràng nhằm đạt chuẩn đầu ra. Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện người học, đặc biệt chú trọng rèn luyện kỹ năng, tư duy phản biện và khả năng học tập suốt đời. Hệ thống E-learning và các hoạt động thực tiễn, ngoại khóa được vận hành tích cực, góp phần nâng cao chất lượng học tập và mức độ hài lòng của sinh viên.

5. Trường đã ban hành đầy đủ các quy định liên quan đến đánh giá kết quả học tập, bảo đảm rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thực hiện minh bạch, đa dạng và phù hợp với từng loại học phần. Sinh viên được phổ biến quy định học

vụ một cách hệ thống ngay từ đầu khóa, có thể tiếp cận kết quả học tập nhanh chóng thông qua hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến. Việc khiếu nại kết quả học tập cũng được xử lý linh hoạt, kịp thời qua nhiều kênh, bảo đảm quyền lợi của người học.

6. Đơn vị đào tạo của CTĐT có đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên mạnh, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ cao (51,5%) vượt xa mục tiêu Chiến lược của Trường (40%). Số lượng và tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tăng nhanh trong chu kỳ đánh giá từ 09 tiến sĩ năm 2020 lên 14 tiến sĩ năm 2024. Tỷ lệ người học/giảng viên trong các năm học bảo đảm đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường, được người học đánh giá cao. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường, của Viện và nhu cầu phát triển của cá nhân. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, triển khai thực hiện. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc; sản phẩm; chỉ tiêu đo lường; thời hạn hoàn thành; đơn vị thực hiện. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, rõ ràng. Kết quả đánh giá về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, có nhiều bài báo công bố trên các tạp chí WoS/Scopus và tham luận trong các hội thảo khoa học nước ngoài.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch, phát triển theo Chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn, bảo đảm về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường và nhu cầu phát triển của cá nhân. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên được xây dựng, triển khai thực hiện, kết quả đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học, thể hiện rõ nhiệm vụ/công việc, sản phẩm, chỉ tiêu đo lường, thời hạn hoàn thành và đơn vị thực hiện.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Việc giám sát sự tiến bộ của người học được quy định rõ ràng và phân công thực hiện cụ thể. Công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, tư vấn việc làm cho người học được phân công trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị và được triển khai. Trường chú trọng xây dựng môi trường tâm lý, văn hoá,

học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học. Trường có khuôn viên rộng rãi với nhiều cây xanh, cây cảnh, đường hoa, môi trường, cảnh quan đẹp, sạch sẽ được giảng viên và người học đánh giá cao. Việc kiểm tra các điều kiện an toàn được thực hiện thường xuyên.

9. Nhà trường có diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng vượt mức yêu cầu bình quân theo quy định. Cơ sở đào tạo chính của Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện rộng rãi, có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện, có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (KIPOS). Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành chung và chuyên ngành đáp ứng yêu cầu, được trang bị đầy đủ các thiết bị để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hằng năm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập dựa trên các quy định hiện hành, được quản lý, triển khai thực hiện và giám sát.

10. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT được rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá; việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả người học được hướng dẫn cụ thể nhằm bảo đảm sự tương thích với chuẩn đầu ra. Giảng viên của CTĐT tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Nhà trường và Viện xây dựng kế hoạch đào tạo theo năm học, có cơ sở dữ liệu người học, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học. Thực hiện thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Xây dựng và quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 1 năm tốt nghiệp. Ban hành Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên. Thực hiện các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Bổ sung và làm rõ hơn các định hướng đặc thù liên quan đến khoa học - công nghệ biển và thủy sản trong mục tiêu và chuẩn đầu ra để tăng tính đặc thù và cạnh tranh của CTĐT; thiết kế lại công cụ khảo sát phù hợp với từng đối tượng bên liên quan, mở rộng phạm vi lấy ý kiến và nâng cao chất lượng phản hồi; xem xét thành lập đơn vị độc lập chịu trách nhiệm đánh giá và tổng hợp ý kiến để bảo đảm tính khách quan trong rà soát, điều chỉnh CTĐT; rà soát và chỉnh sửa PLO1 theo hướng ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu và có thể đánh giá được; tách biệt các nội dung về chính trị, tư tưởng, pháp luật và rèn luyện sức khỏe thành các năng lực cụ thể hơn, gắn với các hành vi có thể quan sát và đánh giá thông qua công cụ cụ thể; xây dựng và bổ sung các chỉ báo đo lường PI (Performance Indicators) tương ứng cho từng PLO, giúp lượng hóa kết quả đầu ra, làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ đạt được của người học, đồng thời hỗ trợ người học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan để hình dung về năng lực và phẩm chất sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2. Rà soát và chuẩn hóa việc cập nhật thông tin CTĐT và đề cương học phần trên các nền tảng khác nhau để bảo đảm tính thống nhất và chính xác; đa dạng hóa các hình thức tiếp cận thông tin để hỗ trợ người học và các bên liên quan; xây dựng cơ chế và công cụ khảo sát hệ thống, phù hợp với từng nhóm bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp) để lấy ý kiến góp ý về nội dung các học phần, từ đó phục vụ công tác điều chỉnh, cập nhật đề cương chi tiết học phần bảo đảm tính thực tiễn và đáp ứng yêu cầu xã hội; bổ sung đầy đủ thông tin cần thiết của các học phần trong đề cương học phần theo quy định, bảo đảm các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng và nắm được đầy đủ các thông tin của học phần.

3. Tiếp tục củng cố và nâng cao công tác phối hợp liên bộ môn, đặc biệt trong việc thiết kế, rà soát và cập nhật các học phần cơ sở ngành nhằm tăng cường tính liên kết và hỗ trợ giữa các khối kiến thức; duy trì quy trình rà soát định kỳ và mở rộng tham vấn ý kiến từ các bên liên quan để bảo đảm chương trình luôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển ngành nghề; thực hiện rà soát và điều chỉnh lại ma trận chuẩn đầu ra - học phần nhằm bảo đảm sự tương thích chặt chẽ và rõ ràng giữa từng học phần và các chuẩn đầu ra tương ứng; làm rõ mức độ đóng góp của mỗi học phần (kể cả đối với các học phần tự chọn) theo các cấp độ: giới thiệu (I), củng cố (R), thành thạo (M), giúp sinh viên phát triển năng lực một cách có lộ trình; xác định rõ vai trò của các học phần chuyên ngành cốt lõi, bảo đảm những học phần này đóng góp ở cấp độ thành thạo (M) đối với các chuẩn đầu ra quan trọng, đặc biệt là các chuẩn liên quan đến năng lực nghề nghiệp, khởi nghiệp và thực hành nghề.

4. Tiếp tục hoàn thiện và cập nhật đồng bộ nội dung các học phần trên hệ thống E-learning nhằm nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến; xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên theo hướng hệ thống, chuyên nghiệp và lồng ghép hiệu quả với CTĐT chính khóa để nâng cao năng lực toàn diện và khả năng học tập suốt đời của người học.

5. Phát triển hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ lưu trữ và theo dõi đầy đủ các phản hồi và khiếu nại của sinh viên; khuyến khích giảng viên tăng cường sử dụng phản hồi học thuật định tính qua hệ thống E-learning; đẩy mạnh việc phổ

biến quy trình đánh giá và khiếu nại theo hướng thường xuyên, trực quan hơn; xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn giảng viên trong việc tự đánh giá, đối sánh và cải tiến công cụ đánh giá học tập, nhằm bảo đảm độ tin cậy, độ giá trị và sự công bằng trong toàn bộ hệ thống kiểm tra - đánh giá; xác định rõ các hình thức thi cuối kỳ, giữa kỳ trong đề cương học phần, bảo đảm sự thống nhất khi thực hiện giảng dạy ở các lớp học phần; bảo đảm đề thi đạt được CLO đã thiết kế; tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề định kỳ về xây dựng đề thi, thiết kế rubric, phân tích kết quả học tập sau mỗi học kỳ để nâng cao năng lực cho giảng viên trong đánh giá năng lực người học; tăng cường hướng dẫn và triển khai giảng viên xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần, phân tích kết quả thi chi tiết cho từng đề thi, câu hỏi thi để điều chỉnh, cải tiến liên tục.

6. Rà soát chính sách phát triển, thu hút, đãi ngộ để thu hút được giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh khoa học và có trình độ tiến sĩ; điều chỉnh quy định về khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên tạo động lực cho nghiên cứu khoa học; xác định khối lượng phục vụ cộng đồng tối thiểu cho từng chức danh, học vị tương tự như giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; rà soát, điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng để có thể tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm trợ giảng, cử đi đào tạo ở nước ngoài, trở về làm giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên làm cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về nội dung, chất lượng, thời gian và tổ chức đánh giá hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thiết kế, phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy, học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ/tỉnh.

7. Định kỳ khảo sát các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên, sử dụng kết quả khảo sát trong các phân tích dự báo về phát triển đội ngũ nhân viên; có chính sách thu hút và hình thức truyền thông tốt hơn nữa để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; rà soát bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ, bổ sung các tiêu chí định lượng để đo lường chính xác, công bằng hơn năng lực của từng vị trí nhân viên; phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên; thực hiện khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Tăng cường các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh, đặc biệt ngoài tỉnh Khánh Hoà; thường xuyên tổ chức thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyển sinh, có thêm các chính sách đột phá về tuyển sinh để nâng cao số lượng và chất lượng tuyển sinh; xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học riêng cho ngành Kỹ thuật môi trường nhằm phát huy được thế mạnh của ngành; tăng cường ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin cho cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học để kịp thời có giải pháp giúp người học cải thiện kết quả học tập; xây dựng quy định, quy trình

về việc tổng hợp đối sánh kết quả khảo sát người học về hoạt động hỗ trợ tư vấn người học theo từng Khoa và CTĐT, có báo cáo cải tiến và theo dõi kết quả cải tiến; ký kết các hợp đồng dịch vụ chuyên môn bên ngoài hoặc có chính sách phát huy hơn nữa vai trò của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên trong việc chăm sóc môi trường, cảnh quan của nhà trường.

9. Khảo sát, lấy ý kiến giảng viên, sinh viên toàn trường về cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Phục vụ Trường học và tổng hợp theo từng đơn vị hoặc CTĐT; rà soát trang thiết bị tại giảng đường và phòng làm việc của giảng viên để nâng cấp, sửa chữa kịp thời hơn; rà soát toàn bộ tài liệu trong đề cương học phần để có kế hoạch phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021; tăng cường các bản in cho các giáo trình, tài liệu đang có tại thư viện; tổng hợp các số liệu về bạn đọc (giảng viên, sinh viên), kinh phí mua sắm học liệu theo từng Khoa/CTĐT để có kế hoạch cải tiến tốt hơn về học liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; tăng cường chất lượng khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên về tính đáp ứng của hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành, tiến hành tổng hợp, đối sánh định kỳ kết quả khảo sát để đưa ra các biện pháp cải tiến để hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học hiệu quả hơn; có giải pháp cải thiện tốc độ đường truyền internet bảo đảm đáp ứng nhu cầu người học; cải tạo một số lối đi vào giảng đường, nhà làm việc cũ bảo đảm đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài trường khi xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng thường xuyên hơn làm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; xem xét cải tiến nhận xét đánh giá; có chính sách khuyến khích giảng viên, nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

11. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thời học để xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thời học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT để mở rộng đối tượng đối sánh, trong đó có hoạt động đối sánh tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm cũng như số lượng và loại hình nghiên cứu khoa học của người học cùng CTĐT để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và bảo đảm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành

Kỹ thuật môi trường của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.